

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 30/2025/DS-PT

Ngày: 10 - 01 - 2025

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyên

Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 600/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 413/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 678/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2024 số công chứng 002890 quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

Bị đơn: Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Thu N – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố C, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2024 số công chứng 007014 quyền số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Tạ Minh T1**, sinh năm 1992. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2/ Chị **Trương Nguyễn Kim N1**, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Võ Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị S trả cho bà 238m² đất cây lâu năm từ thửa số 547, tờ bản đồ số 12, đất tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do bà S mua đất, gian lận về diện tích khi làm thủ tục sang tên, yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện chỉnh lý biên động thửa số 546 và thửa 547 cụ thể như sau. Cha của bà tên Võ Văn T2 (chết năm 2018), mẹ tên Nguyễn Thị H có thửa đất số 469 diện tích 2.904m² do ông Võ Văn T2 đứng tên quyền sử dụng đất cách nay khoảng 30 năm, cha mẹ cho em trai là ông Võ Hồng T3 (Thảo 2.000m² còn lại 904m² cha mẹ cho 03 người con gái gồm bà 300m², bà Võ Thị B1 300m², và bà Võ Thị Thanh T4 300m²). Sau đó bà B1 và bà T4 bán lại cho bà, nên bà được 904m² thời điểm đó đất trồng lúa. Ông T3 canh tác đến năm 2017, bán lại cho bà Võ Thị S là chị ruột với diện tích 2.000m² giá 240.000.000 đồng có đủ cha mẹ anh em chứng kiến. Sau khi bà S mua đất của T3 vì cha Võ Văn T2 còn đứng tên quyền sử dụng đất, lúc đó anh rể Tạ Trung T5 là chồng bà S, lợi dụng cha già yếu lớn tuổi (88 tuổi) không biết chữ, dẫn cha đi làm hồ sơ tách thành 02 thửa (thửa số 546 là của bà có diện tích 665,4m² và thửa 547 là thửa của bà S có diện tích 2.238m². Lẽ ra phải tách thửa 546 của bà có diện tích 904m² và thửa 547 của bà S có diện tích 2.000m² mới đúng). Mục đích để cha tách thửa xong làm hồ sơ tặng cho bà và bà S (lẽ ra cha tách thửa xong làm thủ tục tặng cho Võ Hồng T3 xong rồi T3 mới làm thủ tục chuyển cho bà S, nếu làm như vậy bà S phải tốn thêm tiền thuế trước bạ sang tên, nên T3 chấp nhận phương án để cha Võ Văn T2 làm thủ tục tặng cho bà S (vì tin tưởng để anh rể là Tạ Trung T5 quan hệ làm hồ sơ mới xảy ra sự việc tranh chấp ngày hôm nay). Chính chồng bà S đi nhận sổ đỏ về đưa cho bà, bà thấy thửa đất của mình chỉ có 665,4m² bà hỏi anh rể Tạ Trung T5 là chồng bà S, sao đất em có 665,4m² vậy, anh rể nói trừ đường đi, bà bảo anh cho em xem sổ của anh coi bao nhiêu anh Tạ Trung T5 không cho xem. Cho đến đầu tháng 6/2023 con trai bà S là cháu Tạ Minh T1 cất nhà ở trên thửa đất này, mới rào ranh giới bằng lưới B40 thì xảy ra tranh chấp về ranh giới, bà nói thửa đất của T1 2.000m² sao thấy rộng lớn vậy, cháu T1 mới nói đất nó 2.238m² nên gia đình anh chị em bà mới biết. Mẹ của bà Nguyễn Thị H đi trích lục hồ sơ phát hiện sổ đỏ của bà S liền kê đất bà có diện tích 2.238m² chúng tôi có gặp nhau thương lượng giải quyết số diện tích dư là 238m², nhưng anh rể và chị ruột và các cháu không có thiện chí còn xung đột với bà. Sự việc trên bà đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã V giải quyết vào ngày 25/12/2023 kết quả bên bà S không thống nhất trả bà 238m².

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Võ Thị S trình bày:

Trước đây, bà là chủ sử dụng thửa đất số 547, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.238m² loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/11/2017 đã được cước chủ tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận với nội dung: tặng cho bà Võ Thị S, năm 1955, chứng minh nhân dân số 310555933. Địa chỉ thường trú ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; theo hồ sơ số 001353.TA.001, nguồn gốc thửa đất này do nhận tặng cho từ cha mẹ bà là ông Võ Văn T2 và bà Nguyễn Thị H. Trước đây cha bà là ông Võ Văn T2 có đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00420 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 09/12/2003 là 02 thửa đất, 02 thửa đất này chung 01 khu đất

cụ thể: Thửa 469 tờ bản đồ số 2, diện tích 3.030m² (nay tách thành 02 thửa đất là thửa số 546, tờ bản đồ 12, diện tích 665,4m² loại đất cây lâu năm và thửa số 547, tờ bản đồ 12, diện tích 2.238,7m² loại đất cây lâu năm). Thửa 470 tờ bản đồ số 2, diện tích 220m² loại đất quả (nay là thửa số 545, tờ bản đồ 12, diện tích 203,7m²). Được biết, đầu tiên ông T2 có cho bà Võ Thị T 01 phần đất nay là thửa số 545, tờ bản đồ 12, diện tích 203,7m² để cất nhà và ông Võ Hồng T3 là 01 phần của thửa 469 tờ bản đồ số 2, diện tích khoảng 2.000m². Sau đó ông T2 tiếp tục cho Võ Thị B1 và Võ Thị Thanh T4 mỗi người khoảng 300m² ở thửa đất thửa 469, tờ bản đồ số 2, ông T2 cho đất nhưng chưa sang tên. Sau đó ông Võ Hồng T3 bán lại cho bà phần diện tích của ông T3 được ông T2 cho nhưng chưa sang tên. Vào năm 2017, lúc này ông T2 86 tuổi, còn rất minh mẫn đi lại bình thường đã làm thủ tục sang tên đất lại cho các con. Lúc này các anh em trong gia đình đều thống nhất để ông Tạ Trung T5 là con rể ông T2 phụ trách chở ông T2 đi làm giấy tờ, ông T5 chỉ chở ông T2 còn ông T2 là người trực tiếp thực hiện và ký các giấy tờ như yêu cầu đo đạc, chỉ ranh, ký bản vẽ, công chứng hợp đồng tặng cho đất. Khi địa chính vào đo đất, ông T2 là người chỉ ranh, lúc này ông T2 chỉ đo đất, làm ranh giới đất. Hai bên đã sử dụng ổn định theo ranh giới khi ông T2 cho đất. Theo đó, ông T2 vẫn biết phần diện tích cho bà là 2.238,7m² nhưng ông có nói phần diện tích có dư này ông T2 cho bà luôn vì bà T, bà B1, bà T4 như vậy là đủ rồi, lúc này ông T2 còn nói thêm với bà là không cần phải nói đưa nào biết vì đất của ông, ông muốn cho ai thì cho. Được biết, phần đất trước đây ông T2 cho bà B1 và bà T4 nhưng bà B1 và bà T4 không sử dụng mà sang qua cho bà T nên khi làm giấy thì ông T2 và bà H sang tên cho bà T. Khi ký công chứng hợp đồng tặng cho đất tại Phòng công chứng, ông T2, bà H có mời người làm chứng, ông, bà biết rất rõ phần diện tích tặng cho bà là bao nhiêu. Như vậy hiện nay bà Võ Thị T đang đứng tên 02 thửa đất với tổng diện tích 869,1m² cùng loại đất cây lâu năm đều là do ông Võ Văn T2 tặng cho, cụ thể thửa số 545, tờ bản đồ 12, diện tích 203,7m² loại đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07881 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14/3/2018 và thửa 546, tờ bản đồ 12, diện tích 665,4m² loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07717 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/11/2017 đã được cước chú tại mục IV Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận với nội dung: “tặng cho bà Võ Thị T, năm sinh 1966, chứng minh nhân dân số 310669196. Địa chỉ thường trú ấp Á, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 001352.TA.001”. Trước đây bà T sau khi nhận được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên thì bà đã không có ý kiến gì, bà T cũng chưa từng nói với ông T2 về việc cắt đất của ông T2 cho bà T bị thiếu. Đến năm 2019 bà đã tặng cho thửa đất số 547, tờ bản đồ 12, diện tích 2.238,7m² loại đất trồng cây lâu năm cho con trai là Tạ Minh T1 và anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08546 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/4/2019. Anh T1 và vợ con anh T1 sau khi được tặng cho đất đã sử dụng ổn định theo ranh giới đất đúng với phần diện tích được cấp trong giấy đỏ. Đến tháng 2/2021 thì vợ chồng anh T1 đã cất nhà trên phần đất này, khi anh T1 cất nhà thì bên bà T hoàn toàn không có ý kiến gì. Khoảng tháng 9/2023 anh T1 làm hàng rào nên giữa gia

đình bà T và gia đình bà xảy ra mâu thuẫn, chồng bà T đón đường đánh Tạ Trung T5, sau đó sự việc nêu trên đã được Công an xã V giải quyết, chồng bà T đã xin lỗi ông T5, từ sự việc trên mới phát sinh tranh chấp đất của bà T. Từ những lời trình bày trên bà xác định phần đất diện tích 238m² bà T kiện đòi là do ông T2, bà H tặng cho thêm bà. Nay bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Minh T1 trình bày:

Hiện nay ông là chủ sử dụng thửa đất số 547, tờ bản đồ 12, diện tích 2.238,7m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08546 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/4/2019. Nguồn gốc phần đất này do ông được nhận tặng cho từ bà Võ Thị S là mẹ của ông. Từ khi được nhận tặng cho đất thì ông đã sử dụng ổn định theo ranh giới đất có sẵn, đúng với phần diện tích được cấp trong giấy đỏ. Đến tháng 2/2021 thì vợ chồng ông xây nhà để ở, căn nhà có diện tích hơn 100m² có kết cấu mái lợp tôn, vách tường, nền lát gạch men. Hiện nay ông và vợ ông là Trương Nguyễn Kim N1 và 02 con tên Tạ Nhật T6, sinh ngày 04/4/2016 và Tạ Hà M, sinh ngày 23/9/2020 đang ở trên nhà và đất nêu trên. Khoảng tháng 9/2023 ông làm hàng rào trên thửa đất nêu trên thì giữa gia đình bà T và gia đình ông xảy ra mâu thuẫn, chồng bà T đón đường đánh cha của ông là ông Tạ Trung T5, sau đó sự việc nêu trên đã được Công an xã V giải quyết, chồng bà T đã xin lỗi ông T5, từ sự việc trên mới phát sinh tranh chấp đất của bà T. Nay ông thống nhất theo lời trình bày của bà Võ Thị S, ông nhận thấy bà T đòi đất là không đúng, ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Nguyễn Kim N1 trình bày:

Hiện nay chồng bà là ông Tạ Minh T1 là chủ sử dụng thửa đất số 547, tờ bản đồ 12, diện tích 2.238,7m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08546 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/4/2019. Nguồn gốc phần đất này do chồng bà được nhận tặng cho từ bà Võ Thị S là mẹ của ông T1. Từ khi được nhận tặng cho đất thì vợ chồng bà đã sử dụng ổn định theo ranh giới đất có sẵn, đúng với phần diện tích được cấp trong giấy đỏ. Đến tháng 2/2021 thì vợ chồng bà xây nhà để ở, căn nhà có diện tích hơn 100m² có kết cấu mái lợp tôn, vách tường, nền lát gạch men. Hiện nay vợ chồng bà và 02 con tên Tạ Nhật T6, sinh ngày 04/4/2016 và Tạ Hà M, sinh ngày 23/9/2020 đang ở trên nhà và đất nêu trên. Khoảng tháng 9/2023 vợ chồng bà làm hàng rào trên thửa đất nêu trên thì giữa gia đình bà T và gia đình bà xảy ra mâu thuẫn, chồng bà T đón đường đánh cha chồng của bà là ông Tạ Trung T5, sau đó sự việc nêu trên đã được Công an xã V giải quyết, chồng bà T đã xin lỗi ông T5, từ sự việc trên mới phát sinh tranh chấp đất của bà T. Nay bà thống nhất theo lời trình bày của bà Võ Thị S, và ông Tạ Minh T1, bà nhận thấy bà T đòi đất là không đúng, bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 413/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các điều 174, 175, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc yêu cầu bà Võ Thị S trả lại bà diện tích 210,7m² đất cây lâu năm thuộc thửa số 547, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.238,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08546 ngày 05/4/2019 do ông Tạ Minh T1 đứng tên, đất tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/9/2024, nguyên đơn Võ Thị T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 413/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ, bởi lẽ, bà T không có tài liệu chứng minh phần 238,7m² mua của người khác, khi nhận cho tặng thửa 546 từ ông T2 biết rõ diện tích là 665,4m², không như bà khai nhưng không khiếu nại hay ý kiến gì, phần đất tranh chấp từ trước đến nay bà T chưa từng canh tác, quản lý nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất diện tích 238,7m² nằm trong thửa đất số 547, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.238,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08546 ngày 05/4/2019 do ông Tạ Minh T1 đứng tên, đất tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16/9/2024 Tòa án nhân dân huyện G xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, ngày 27/9/2024 chị Võ Thị T kháng cáo bản án là trong hạn theo quy định tại điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn: chị T cho rằng trước đây chị S mua của anh T3 2.000m² đất, gian lận về diện tích khi làm thủ tục sang tên, nên đã chiếm dụng phần đất của chị diện tích 238,7m² nên tổng diện tích lên đến 2.238,7m² vì vậy chị yêu cầu chị S trả lại, ý kiến và yêu cầu này là không có căn cứ, bởi lẽ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện phần đất tranh chấp hiện nay nằm trong thửa đất số 547, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.238,7m² do anh Tạ Minh T1 (con chị S) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc phần đất này trước đây do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Võ Văn T2 (cha của chị T, chị S, chết năm 2018) vào ngày 09/12/2009 với tổng diện tích 7.910m², gồm 04 thửa (235 diện tích 2.660m², 469 diện tích 3.030m², 470 diện tích 200m², 1507 diện tích 2.000m²), ngày 19/8/2017 ông T2 tách thửa 469 thành 02 thửa là 546 diện tích 665,4m² và thửa 547 diện tích 2.238,7m², ngày 20/11/2017 ông T2 được cấp quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên, đến ngày 06/12/2017 ông T2 cùng vợ là bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng tặng cho chị Võ Thị S phần đất ở thửa 547, tặng cho chị Võ Thị T thửa 546, không có tài liệu nào thể hiện mua bán đất giữa anh T3 - chị S hay giữa chị S với chị T4, chị B1, những người này (T3, T4, B1) cũng chưa từng đứng tên phần đất tranh chấp, tại thời điểm tách thửa 469 và khi cho tặng quyền sử dụng đất cho chị T, chị S, phía chị T không tranh chấp, khiếu nại đối với phần diện tích đất mà chị được cho tặng, khi anh T1 xây dựng nhà trên phần đất tranh chấp (thửa 547) chị T cũng không ngăn cản, mặt khác chị T cho rằng mua lại phần của chị B1, chị T4 (mỗi người 300m²) nhưng cũng không xác định vị trí các thửa đất mua, từ trước đến nay phía chị T cũng chưa hề quản lý, canh tác phần đất này, cho nên yêu cầu khởi kiện của chị T không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 413/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào các điều 174, 175, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc yêu cầu bà Võ Thị S trả lại bà diện tích 210,7m² đất cây lâu năm thuộc thửa số 547, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.238,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08546 ngày 05/4/2019 do ông Tạ Minh T1 đứng tên, đất tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009711 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút, ngày 10/01/2025 có mặt Đại diện Viện Kiểm Sát./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình

Lâm Ngọc Tuyền

Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng